TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST
Ngày: 15 – 01 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**.
Thẩm phán: Ông **Nguyễn Phước Hùng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hữu Thanh**
Bà **Đặng Thị Hoàng Anh**
Ông **Lâm Hải Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký TAND tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà **Võ Thị Hồng Nương** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2024/TLST-HS, ngày 24 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Huỳnh Kim T, sinh ngày 19/12/1979 tại tỉnh Vĩnh Long. Nơi thường trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm thuê; giới tính: nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Hữu T1 và bà Lê Thị S; chồng Trần Bảo K (đã ly hôn ngày 16/11/2022); con có 01 người sinh năm 2018; tiền sự: không; tiền án: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/10/2023 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Ngọc T2 – Luật sư của Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư tỉnh V bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Kim T (Có mặt).

Bị hại:

1. Đặng Công Đ, sinh năm 1980 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
2. Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1973 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
3. Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1976 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

4. Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1975 (Vắng)
Nơi cư trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
5. Huỳnh Thị Ngọc T4, sinh năm 1992 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
6. Trần Văn X, sinh năm 1979 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
7. Phạm Thị Đ1, sinh năm 1968 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
8. Lê Khánh N, sinh năm 1972 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp An P, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
9. Võ Thị X1, sinh năm 1968 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
10. Trần Văn T5, sinh năm 1975 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp Đại Thọ, xã Loan Mỹ, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
11. Nguyễn Gia L, sinh năm 1959 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
12. Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1968 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
13. Dương Thị L1, sinh năm 1972 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Thị Hiền D, sinh năm 1969 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
2. Phan Hoàng V, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp An P, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
3. Đoàn Thị Kiều T6, sinh năm 1980 (Có mặt).
Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
4. Dương Thanh T7, sinh năm 1986 (Vắng).
Nơi cư trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long
5. Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1979 (Có mặt).
Nơi cư trú: số A khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.
6. Phạm Văn X2, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).
Nơi cư trú: ấp Đ, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2000, Huỳnh Kim T cùng chồng Võ Minh T8 hoạt động chăn nuôi heo và cá tra tại nhà, để có tiền đầu tư, T và T8 có vay tiền bên ngoài tổng cộng khoảng 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng) nhưng kết quả không đạt hiệu quả, bị thua lỗ, đến năm 2009, anh T8 bệnh chết. Đến năm 2017, để có tiền trả nợ (gồm công ty thức ăn; Ngân hàng; tiền vay bên ngoài…), T đến gặp chị Nguyễn Thị Hoàng O; Nguyễn Ngọc E; Huỳnh Thị Mỹ H; Nguyễn Thị Thanh T3; Huỳnh Thị Ngọc T4; Trần Văn X; Phạm Thị Đ1; Dương Thị L1; Lê Khánh N; Võ Thị X1; Trần Văn T5; Nguyễn Gia L…để hỏi vay tiền và đưa thông tin gian dối là cho T vay tiền để T cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng, lãi suất từ 3.000đ đến 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày hoặc 01 đến 5%/01 tháng, thời hạn 10 ngày hoặc 01 tháng, khi nào những người mà T cho vay đáo hạn ngân hàng trả tiền thì T trả lại vốn lãi cho các bị hại làm cho các bị hại tin tưởng đưa tiền cho T, để che đậy hành vi phạm tội và thực hiện trong thời gian dài khi đến ngày trả tiền vốn, lãi, T chỉ trả tiền lãi, không trả hoặc trả một phần số tiền vốn và để tiếp tục lấy được tiền của các bị hại T đưa ra thông tin số tiền vốn chưa trả là do có người cần vay để đáo hạn tiếp hoặc cần một số tiền nữa để đưa cho người vay để đáo hạn ngân hàng, khi người vay trả thì T sẽ trả đủ vốn, lãi luôn cho bị hại. Từ đó các bị hại tin tưởng đưa tiền cho T trong thời gian dài và khi nhận được tiền T dùng trả nợ, đóng tiền hụi, tiêu xài cá nhân hoặc nhận tiền vay của người sau trả cho người cho vay trước. Đến tháng 9/2022 do không còn khả năng đóng lãi và hỏi vay tiếp được nữa, nên T bỏ đi khỏi địa phương. Từ đó, các bị hại làm đơn tố giác hành vi phạm tội của Huỳnh Kim T. Với thủ đoạn gian dối trên Huỳnh Kim T đã chiếm đoạt tổng số tiền: ***10.648.230.000*** đồng (Mười tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi triệu đồng) của 13 bị hại để sử dụng tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. Bà Đặng Công Đ, sinh năm 1980, nơi thường trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 22/4/2021 đến ngày 05/8/2022, T hỏi vay của chị Đ 18 lần với tổng số tiền 785.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu đồng). Trong thời gian này, T có trả cho chị Đ với số tiền: 200.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng)

2. Ông Nguyễn Ngọc E, sinh năm 1973, nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 17/9/2021 đến ngày 29/7/2022, T hỏi vay của anh Nguyễn Ngọc E tổng cộng 12 lần với tổng số tiền 1.690.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho anh Ngọc E với số tiền

858.850.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 831.150.000 đồng (Tám trăm ba mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng)

3. Bà Huỳnh Thị Mỹ H, sinh năm 1976, nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 28/9/2019 đến ngày 09/3/2021, T hỏi vay của chị H tổng cộng 05 lần, tổng số tiền 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho chị H số tiền 251.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 429.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu đồng)

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T3, sinh năm 1975, nơi thường trú: ấp A, xã N, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 24/6/2022 đến ngày 30/6/2022, Huỳnh Kim T hỏi vay của chị Thanh T3 tổng cộng 02 lần với số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho chị Thanh T3 số tiền 58.500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 261.500.000 đồng (Hai trăm mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng)

5. Bà Huỳnh Thị Ngọc T4, sinh năm 1992, nơi thường trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 03/3/2022 đến ngày 18/7/2022, T hỏi vay của chị Ngọc T4 tổng cộng 19 lần với tổng số tiền 2.130.000.000 đồng. Thời gian này, T có trả cho chị Ngọc T4 số tiền 825.640.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), chiếm đoạt số tiền 1.304.360.000 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

6. Ông Trần Văn X, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 06/9/2021 đến tháng 9/2022, T hỏi vay của anh X tổng cộng 10 lần với số tiền 906.000.000 đồng (Chín trăm lẻ sáu triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho anh X số tiền 546.420.000 đồng (Năm trăm bốn mươi sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng), chiếm đoạt số tiền: 559.580.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng)

7. Bà Phạm Thị Đ1, sinh năm 1968, nơi thường trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 09/01/2021 đến ngày 28/5/2021, T hỏi vay của chị Phạm Thị Đ1 tổng cộng 04 lần với tổng số tiền 1.370.000.000 đồng (Một tỷ ba trăm bảy mươi triệu đồng). Thời gian này, T có trả tiền cho chị Đ1 tổng cộng 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), chiếm đoạt số tiền: 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng)

8. Bà Dương Thị L1, sinh năm 1972, nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 14/8/2021 đến ngày 30/6/2022, T hỏi vay của chị L1 tổng cộng 05 lần với số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho chị L1 số tiền 60.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng)

9. Bà Lê Khánh N, sinh năm 1972, nơi thường trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 20/9/2022, T hỏi vay của chị N tổng cộng 03 lần với tổng số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho chị N số tiền 54.000.000 đồng (Năm mươi bốn triệu đồng), chiếm đoạt số tiền 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng)

10. Bà Võ Thị X1, sinh năm 1968, nơi thường trú: ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 25/5/2022 đến ngày 11/8/2022, T hỏi vay của chị X1 tổng cộng 14 lần với tổng số tiền 2.160.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho chị X1 số tiền 403.720.000 đồng (Bốn trăm lẻ ba triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng), chiếm đoạt số tiền 1.756.280.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)

11. Ông Trần Văn T5, sinh năm 1975, nơi thường trú: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 30/8/2022 đến ngày 20/10/2022, T hỏi vay của anh Trần Văn T5 tổng cộng 04 lần với số tiền 840.000.000 đồng (T9 trăm bốn mươi triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho anh T5 số tiền 64.000.000 đồng (Sáu mươi bốn triệu đồng), chiếm đoạt số tiền 776.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

12. Ông Nguyễn Gia L, sinh năm 1959, nơi thường trú: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Từ ngày 25/7/2022 đến ngày 22/8/2022, T hỏi vay của anh Nguyễn Gia L tổng cộng 06 lần với tổng số tiền 2.490.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng). Thời gian này, T có trả cho anh L số tiền 478.640.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng), chiếm đoạt số tiền 2.011.360.000 đồng (Hai tỷ không trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

13. Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1968, nơi thường trú: ấp M, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

Để có tiền trả nợ cho các khoản vay của nhiều người trước đó, vào ngày 12/10/2021, T hỏi vay chị Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), thời gian này T có trả cho chị O số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng), chiếm đoạt số tiền 768.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Quá trình điều tra, Huỳnh Kim T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Sau khi nhận được số tiền vay của 13 bị hại, bị cáo Huỳnh Kim T không có cho ai vay đáo hạn ngân hàng hết, mà dùng số tiền này để trả nợ, trả tiền lãi, đóng tiền hụi và tiêu xài cá nhân hết. Cụ thể:

- Trả nợ vay đầu tư chăn nuôi số tiền 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng)

- Sửa chữa quán cà phê số tiền khoảng 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng)

- Trả lãi suất cho 13 bị hại với tổng số tiền 4.355.970.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm năm mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

- Trả vốn vay cho 03 bị hại tổng số tiền 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) (trong đó: trả cho chị Huỳnh Thị Mỹ H số tiền 100.000.000 đồng; chị Phạm Thị Đ1 số tiền 100.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 30.000.000 đồng)

- Đóng tiền hụi tổng cộng khoảng 620.000.000 đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng) (trong đó: chủ hụi Nguyễn Thị Hiền D (tên gọi cô N1) số tiền khoảng 200.000.000 đồng; chủ hụi Phan Hoàng V khoảng 230.000.000 đồng; chủ hụi Đoàn Thị Kiều T6 khoảng 130.000.000 đồng và chủ hụi Dương Thanh T7 khoảng 60.000.000 đồng.

- Trả nợ tổng cộng số tiền khoảng 3.234.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm ba mươi bốn triệu đồng) (trong đó: chị Nguyễn Thị Thu H1 số tiền khoảng 150.000.000 đồng; anh Phạm Văn X2 số tiền khoảng 110.000.000 đồng; anh Nguyễn Ngọc E số tiền khoảng 950.000.000 đồng và 03 người khác ngoài xã hội (không biết họ tên, địa chỉ) số tiền khoảng 2.024.000.000 đồng)

- T10 dùng để tiêu xài cá nhân không nhớ sử dụng vào việc gì khoảng 4.591.030.000 đồng (Bốn tỷ năm trăm chín mươi mốt triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)

Về trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị hại yêu cầu xử lý bị cáo Huỳnh Kim T theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Trong qúa trình điều tra, 13 bị hại yêu cầu bị cáo Huỳnh Kim T trả lại số tiền đã cho T vay tổng cộng: 10.648.230.000 đồng

(Mười tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng), cụ thể như sau:

1. Bà Đặng Công Đ yêu cầu bị caó trả số tiền 585.000.000 đồng (Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng).

2. Ông Nguyễn Ngọc E yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 831.150.000 đồng (Tám trăm ba mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Bà Huỳnh Thị Mỹ H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 429.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu đồng).

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T3 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 261.500.000 đồng (Hai trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Bà Huỳnh Thị Ngọc T4 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.304.360.000 đồng (Một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

6. Ông Trần Văn X yêu cầu bị caó trả lại số tiền 559.580.000 đồng (Năm trăm năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

7. Bà Phạm Thị Đ1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.170.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi nghìn đồng).

8. Bà Dương Thị L1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

9. Bà Lê Khánh N yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 146.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

10. Bà Võ Thị X1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 1.756.280.000 đồng (Một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

11. Ông Trần Văn T5 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 776.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng).

12. Ông Nguyễn Gia L yêu cầu bị cáo trả số tiền 2.011.360.000 đồng (Hai tỷ không trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

13. Bà Nguyễn Thị Hoàng O yêu cầu bị cáo trả số tiền 768.000.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng).

Hiện nay bị can chưa khắc phục khoản tiền nào.

Việc các bị hại gồm Đặng Công Đ; Nguyễn Ngọc E; Huỳnh Thị Ngọc T4; Nguyễn Thị Thanh T3; Trần Văn X; Trần Văn T5; Dương Thị L1; Lê Khánh N; Nguyễn Thị Mỹ H2; Phạm Thị Đ1; Nguyễn Thị Hoàng O; Võ Thị X1 và Nguyễn Gia L cho bị can Huỳnh Kim T vay tiền, do bị can T tự đến gặp và đưa thông tin gian dối có người cần vay tiền để đáo hạn ngân hàng, tự đưa ra lãi suất ... Tin tưởng vào lời nói của bị can T, nên các bị hại mới cho T vay tiền nhiều lần. Từ đó, nhận thấy hành vi cho vay của các bị hại chưa đủ yếu tố cấu thành

tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh V không đề cặp xử lý.

Vật chứng thu giữ: không có.

Tại cáo trạng số 62/CT-VKS-P1 ngày 24/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Huỳnh Kim T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,bị cáo trình bày: Bị cáo thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa đều trình bày: Về trách hiệm hình sự: Yêu cầu xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại có mặt tại phiên tòa yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã chiếm đoạt như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày:

Chị Trần Thị Hiền D1, chị Đoàn Thị Kiều T6 trình bày: hai chị có làm đầu thảo hụi, bị cáo T là hụi viên có chơi hụi và đã hốt hụi, sau đó bị cáo có đóng hụi chết lại nhưng không nhớ số tiền là bao nhiêu và nghe bị cáo nói là tiền do bị cáo mua bán mà có.

Chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày: chị có cho bị cáo T vay tiền, sau đó bị cáo có trả lãi cho chị, hiện còn nợ tiền vốn đến nay chưa trả.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nguyên nhân hậu quả mà bị cáo đã gây ra, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Kiểm sát viên đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Kim T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* và đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 16 năm đến 18 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo trả lại cho các bị hại tổng số tiền 10.678.230.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Bà Đặng Công Đ số tiền 585.000.000 đồng
2. Ông Nguyễn Ngọc E số tiền 831.150.000 đồng
3. Bà Huỳnh Thị Mỹ H số tiền 429.000.000 đồng
4. Bà Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 261.500.000 đồng
5. Bà Huỳnh Thị Ngọc T4 số tiền 1.304.360.000 đồng
6. Ông Trần Văn X số tiền 559.580.000 đồng
7. Bà Phạm Thị Đ1 yêu số tiền 1.170.000.000 đồng

8. Bà Dương Thị L1 số tiền 50.000.000 đồng

9. Bà Lê Khánh N số tiền 146.000.000 đồng

10. Bà Võ Thị X1 số tiền 1.756.280.000 đồng

11. Ông Trần Văn T5 số tiền 776.000.000 đồng

12. Ông Nguyễn Gia L số tiền 2.011.360.000 đồng

13. Bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 768.000.000 đồng

Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu:

Thống nhất với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ mà vị kiểm sát viên đã đề nghị. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện phạm tội của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo sớm có thời gian về lo trả lại tiền cho các bị hại.

Bị cáo thống nhất với lời bào chữa của vị luật sư, không bào chữa bổ sung.

Vị kiểm sát viên, luật sư phát biểu tranh luận. Sau cùng các bên bảo lưu ý kiến đã trình bày.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo có lời xin lỗi các bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng nội dung như Cáo trạng đã truy tố; xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án; cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Từ đó có đủ căn cứ xác định: Do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân, từ tháng 9/2019 đến tháng 10/2022, Huỳnh Kim T đưa thông tin gian dối cần vay tiền để cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng và hứa hẹn thời hạn trả từ 10 ngày hoặc 01 tháng khi người vay đáo

hạn ngân hàng trả tiền cho T thì T sẽ trả lại tiền vốn đầy đủ và tiền lãi suất cao. Tin tưởng là thật nên các bị hại gồm Đặng Công Đ; Huỳnh Thị Mỹ H; Phạm Thị Đ1; Nguyễn Thị Hoàng O; Nguyễn Ngọc E; Huỳnh Thị Ngọc T4; Nguyễn Thị Thanh T3; Trần Văn X; Trần Văn T5; Dương Thị L1; Lê Khánh N; Võ Thị X1 và Nguyễn Gia L đã đưa với tổng cộng số tiền: 10.648.230.000 đồng (Mười tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi triệu đồng) cho bị cáo vay và bị cáo đã chiếm đoạt, hiện chưa khắc phục cho các bị hại.

Hành vi của bị cáo Huỳnh Kim T đã đủ cơ sở quy kết bị cáo phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 62/CT-VKS-P1 ngày 24/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long truy tố hành vi của bị cáo và lời luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của các bị hại được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự địa phương, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo vì cần tiền để trả nợ và tiêu xài nên bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết từ trước với các bị hại, bị cáo đưa ra những thông tin gian dối nhằm để bị hại tin tưởng và chiếm đoạt tiền của bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, vì động cơ vụ lợi cho bản thân mà bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi nhiều lần, với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện bị cáo xem thường tài sản của người khác và xem thường sự trừng phạt của pháp luật. Do đó, đối với bị cáo cần có hình phạt thật nghiêm để giáo dục bị cáo trở thành người hữu ích và nhằm ngăn chặn, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: bị cáo phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân chưa có tiền án, tiền sự, cha bị cáo là người có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về bồi thường thiệt hại:

Tại phiên tòa các bị hại yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại tổng số tiền vốn là 10.648.230.000 đồng. Bị cáo đồng ý với yêu cầu của các bị hại nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả lại cho các bị hại cụ thể như sau:

1. Bà Đặng Công Đ số tiền 585.000.000 đồng

2. Ông Nguyễn Ngọc E số tiền 831.150.000 đồng

3. Bà Huỳnh Thị Mỹ H số tiền 429.000.000 đồng

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 261.500.000 đồng

5. Bà Huỳnh Thị Ngọc T4 số tiền 1.304.360.000 đồng

6. Ông Trần Văn X số tiền 559.580.000 đồng

7. Bà Phạm Thị Đ1 yêu số tiền 1.170.000.000 đồng

8. Bà Dương Thị L1 số tiền 50.000.000 đồng

9. Bà Lê Khánh N số tiền 146.000.000 đồng

10. Bà Võ Thị X1 số tiền 1.756.280.000 đồng

11. Ông Trần Văn T5 số tiền 776.000.000 đồng

12. Ông Nguyễn Gia L số tiền 2.011.360.000 đồng

13. Bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 768.000.000 đồng.

Xét số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại, bị cáo khai nhận là đã tiêu xài cá nhân và có trả nợ tiền hụi, nợ vay trước đó nhưng bị cáo không nhớ trả cụ thể số tiền bao nhiêu và trả cho ai. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày là bị cáo có là hụi viên đã hốt hụi và đã đóng hụi, có trả lãi nợ vay nhưng không nhớ bao nhiêu và cũng không biết số tiền từ đâu bị cáo có mà chỉ nghe bị cáo nói là do mua bán mà có. Do đó chưa đủ căn cứ để thu hồi số tiền do bị cáo phạm tội mà có để trả cho các bị hại.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở chấp nhận như nhận định trên.

[7] Đối với quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có cơ sở chấp nhận một phần.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm. Đồng thời, bị cáo còn có nghĩa vụ trả lại số tiền đã chiếm đoạt nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Kim T phạm tội: *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;*

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Kim T 16 (Mười sáu) năm tù;**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/10/2023.

2. Về bồi thường thiệt hại: áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Huỳnh Kim T phải hoàn trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại tổng cộng ***10.648.230.000*** đồng *(Mười tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng)*, cụ thể như sau:

1. Bà Đặng Công Đ số tiền 585.000.000 đồng *(Năm trăm tám mươi lăm triệu đồng).*

2. Ông Nguyễn Ngọc E số tiền 831.150.000 đồng *(Tám trăm ba mươi mốt triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Bà Huỳnh Thị Mỹ H số tiền 429.000.000 đồng *(Bốn trăm hai mươi chín triệu đồng).*

4. Bà Nguyễn Thị Thanh T3 số tiền 261.500.000 đồng *(Hai trăm sáu mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).*

5. Bà Huỳnh Thị Ngọc T4 số tiền 1.304.360.000 đồng *(Một tỷ ba trăm lẻ bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).*

6. Ông Trần Văn X số tiền 559.580.000 đồng *(Năm trăm năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).*

7. Bà Phạm Thị Đ1 số tiền 1.170.000.000 đồng *(Một tỷ một trăm bảy mươi triệu đồng).*

8. Bà Dương Thị L1 số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng).*

9. Bà Lê Khánh N số tiền 146.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).*

10. Bà Võ Thị X1 số tiền 1.756.280.000 đồng *(Một tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).*

11. Ông Trần Văn T5 số tiền 776.000.000 đồng *(Bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng).*

12. Ông Nguyễn Gia L số tiền 2.011.360.000 đồng *(Hai tỷ không trăm mười một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).*

13. Bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền 768.000.000 đồng *(Bảy trăm sáu mươi tám triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Huỳnh Kim T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm và 118.648.230 đồng *(Một trăm mười tám triệu sáu trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm ba mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, để xin Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TANDCC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- VP CQCSĐT CATVL: 01;
- PHÒNG HS CATVL: 01;
- CỤC THADS TVL: 01;
- SỞ TƯ PHÁP: 01;
- THAHS CATVL: 01;
- TTG, BC, BH, NLQ, NBC: 22;
- UBND XÃ B: 01;
- PKTNV + THCTP: 02;
- LƯU: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lâm Văn Năm